

# HỢP TÁC CỦA MỸ VỚI TIỂU VÙNG SÔNG MEKONG MỞ RỘNG GIAI ĐOẠN 2001 - 2024

## THE U.S. COOPERATION WITH GREATER MEKONG SUBREGION IN PERIOD 2001-2024

Lê Thị Phương Loan<sup>1\*</sup>, Trịnh Hồ Bình Nguyên<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>2</sup>Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo Thiết kế Vi mạch và Trí tuệ Nhân tạo Đà Nẵng (DSAC), Việt Nam

\*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ltploan@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 06/7/2025; Sửa bài / Revised: 22/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8C).454

**Tóm tắt** - Bài nghiên cứu có mục tiêu phân tích hoạt động hợp tác của Mỹ với 05 quốc gia thuộc Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) giai đoạn 2001 - 2024, qua đó khuyến nghị chính sách cho Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động hợp tác trải dài trên các lĩnh vực an ninh - chính trị, kinh tế - thương mại, và văn hóa - xã hội. Hợp tác với Mỹ đã giúp các quốc gia GMS nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, phát triển kinh tế và tăng cường kết nối khu vực. Tuy nhiên, nỗ lực tăng cường hợp tác của Mỹ cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình an ninh và phát triển khu vực trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Theo đó, Việt Nam cần vững vàng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tăng cường song phương, nâng tầm đa phương nhằm cân bằng quan hệ với các cường quốc và đa dạng hoá nguồn lực phát triển từ các quốc gia này.

**Từ khóa** - Mỹ; Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS); hợp tác Mỹ - GMS; giai đoạn 2001-2024

### 1. Đặt vấn đề

Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) là khu vực có diện tích 2,6 triệu km<sup>2</sup> gồm 05 quốc gia (Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar), và vùng lãnh thổ (02 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc) nằm trong lưu vực sông Mekong. GMS có vị trí địa chiến lược quan trọng trong giao lộ giữa Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Với dân số khoảng 326 triệu người và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 18.732,24 tỷ USD năm 2024, GMS là thị trường sản xuất - tiêu thụ đầy tiềm năng [1] thu hút hoạt động đầu tư, hợp tác quốc tế của các cường quốc, trong đó có Mỹ.

Bước vào thế kỷ XXI, Mỹ đã triển khai hàng loạt chương trình, sáng kiến hợp tác với GMS trên các lĩnh vực an ninh - chính trị, kinh tế - thương mại, văn hoá - xã hội, góp phần giải quyết nhiều vấn đề toàn cầu ở khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, duy trì hòa bình, ổn định khu vực, đồng thời đảm bảo lợi ích quốc gia và ảnh hưởng quốc tế của Mỹ [2]. Tuy nhiên, hợp tác của Mỹ đã làm nóng lên cuộc cạnh tranh chiến lược của các cường quốc khác, đặc biệt là Trung Quốc, tại GMS. Vì vậy, nghiên cứu hợp tác của Mỹ với 05 quốc gia GMS giai đoạn 2001-2024 có ý nghĩa thiết thực nhằm làm rõ kết quả và tác động của hoạt động này, qua đó, khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

**Abstract** - The study aims to analyze the U.S. cooperation activities with the five Greater Mekong Subregion (GMS) countries in the period of 2001 - 2024 and propose policy recommendations for Viet Nam. Research findings show that, cooperation activities have been expanded to include all fields of political - security, trade - economics, and socio-cultural areas. Cooperation with the U.S. has assisted GMS countries to improve their capacity to respond to non-traditional security challenges, enhance economic growth and regional connectivity. However, their cooperation also have negative impacts on regional security and development in the context of increasing strategic competition between the U.S. and China. As a consequence, Vietnam needs to consistently pursue an independent and autonomous foreign policy, strengthen bilateral relations, and leverage multilateralism cooperation to balance relations with major powers and diversify development resources from these countries.

**Key words** - The U.S.; Greater Mekong Subregion (GMS); the U.S. - GMS cooperation; period 2001-2024

### 2. Nhân tố tác động đến hợp tác của Mỹ với GMS giai đoạn 2001 - 2024

*Nhân tố đầu tiên* khiến Mỹ hợp tác với GMS là giá trị địa chiến lược quan trọng, “độc tôn” tại ngã tư Đông Nam Á, với trữ lượng tài nguyên thiên nhiên phong phú, có tiềm năng kinh tế vô cùng lớn. Theo ước tính, các ngư trường ở thượng nguồn sông Mekong mang lại giá trị kinh tế khoảng 11 tỷ USD mỗi năm [1]. Tuy nhiên, GMS phải đối mặt nhiều nguy cơ an ninh như tranh chấp lãnh thổ và bất ổn chính trị; ví dụ, giao tranh của các nhóm vũ trang sắc tộc dọc biên giới các quốc gia Myanmar, Trung Quốc, Thái Lan, v.v. Vì vậy, GMS còn có giá trị địa - an ninh khi đóng vai trò là “vùng đệm” để các cường quốc tăng cường can dự trong nỗ lực định hình cấu trúc an ninh khu vực.

*Thứ hai*, với mức tăng trưởng GDP trung bình khoảng 6% mỗi năm [3], GMS đang trải qua cuộc cách mạng công nghiệp với sự phát triển của các ngành sản xuất và dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tạo ra nhu cầu lớn về hàng hóa, dịch vụ và đầu tư từ Mỹ. Ngoài ra, Việt Nam, Thái Lan và Campuchia dần trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là Mỹ, trong lĩnh vực tài chính, viễn thông và du lịch, với nguồn lao động dồi dào và chi phí thấp [4].

*Thứ ba*, các nguy cơ an ninh phi truyền thống như tội phạm có tổ chức, suy thoái môi trường và dịch bệnh đặt ra

<sup>1</sup> The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Le Thi Phuong Loan)

<sup>2</sup> Da Nang Semiconductor and AI Center (DSAC), Vietnam (Trinh Ho Binh Nguyen)

hiều thách thức đến tăng trưởng kinh tế và an ninh con người GMS. Theo báo cáo của Cơ quan Phòng, Chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC), các nước GMS, đặc biệt là Myanmar và Thái Lan, có tỷ lệ tử vong cao liên quan đến tội phạm có tổ chức, điển hình như hàng loạt vụ thu giữ chất *methamphetamine* (chất gây nghiện tổng hợp) năm 2020 lên tới 170 tấn, tăng 19% so với năm 2019 (142 tấn) [5]. Dữ liệu từ Ủy hội Sông Mekong (MRC) cho thấy tình trạng suy thoái hệ sinh thái và mất đa dạng sinh học từ việc sử dụng nguồn nước không bền vững, phát triển thủy điện và biến đổi khí hậu [6]. Ngoài ra, đại dịch COVID-19 đã khiến hàng triệu người nhiễm bệnh và tử vong trên khắp GMS. Trong bối cảnh đó, hợp tác với GMS giúp Mỹ khẳng định vai trò dẫn dắt khu vực ứng phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống này [7].

*Thứ tư*, nhân tố quan trọng nhất là sự cạnh tranh của các cường quốc tại khu vực [8]. Đặc biệt, sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), Hợp tác Lan Thương - Mekong (LMC) và các dự án hạ tầng và năng lượng trị giá hàng tỷ USD đầu tư vào các nước GMS đã thách thức sự hiện diện của Mỹ [9]. Đáp lại, Mỹ đã tăng cường hiện diện, thúc đẩy quan hệ đối tác và tầm nhìn về một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và thịnh vượng thông qua các chương trình hợp tác quốc tế có nguyên tắc và toàn diện trong GMS.

### 3. Thực tiễn triển khai hợp tác của Mỹ với các nước GMS giai đoạn 2001 - 2024

Giai đoạn 2001 - 2024, chính sách đối ngoại của Mỹ với GMS trải qua nhiều thay đổi theo từng chính quyền tổng thống. Hợp tác thời Tổng thống G. W. Bush tập trung vào lĩnh vực an ninh và chống khủng bố. Sang nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, Mỹ công bố Sáng kiến Hạ nguồn sông Mekong (LMI) (năm 2009) và chiến lược Tái cân bằng (năm 2011) mở rộng phạm vi hợp tác trên nhiều lĩnh vực như môi trường, kinh tế - thương mại, văn hoá - giáo dục và y tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Trump, hợp tác với GMS có vẻ chững lại. Đến cuối năm 2017, chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng (FOIP) ra đời với mục tiêu duy trì sự lãnh đạo của Mỹ và kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực. Chính quyền Tổng thống Biden lại đề cao hợp tác nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy nhân quyền và pháp quyền thông qua các sáng kiến như Quan hệ Đối tác Mekong - Mỹ (MUSP) [7]. Thực tiễn triển khai hợp tác của Mỹ với các nước GMS giai đoạn 2001 - 2024 trải dài trên các lĩnh vực từ an ninh - chính trị, kinh tế - thương mại, đến văn hoá - xã hội.

#### 3.1. Trên lĩnh vực an ninh - chính trị

Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, Mỹ tăng cường hợp tác quân sự với GMS thông qua hàng loạt chương trình đào tạo, tập trận chung và viện trợ quân sự.

Trong nỗ lực tăng cường *năng lực quốc phòng* trong khuôn khổ chiến lược FOIP, Mỹ tổ chức các cuộc tập trận quân sự thường niên như Hồ mang vàng (Cobra Gold), Người bảo vệ Hanuman (Hanuman Guardian), và cuộc diễn tập *Vành đai Thái Bình Dương* (RIMPAC) - là cuộc tập trận hải quân đa quốc gia lớn nhất thế giới do Mỹ và

đồng minh tổ chức hai năm một lần - với sự tham gia của một số nước GMS và Mỹ. Điều này cho thấy Mỹ ưu tiên xây dựng năng lực cho đồng minh và đối tác trong khuôn khổ chiến lược rắn đẽ sức mạnh tổng hợp của Mỹ thông qua hoạt động cùng huấn luyện, chia sẻ chiến thuật và công nghệ quốc phòng, cải thiện giao thức liên lạc giữa các quốc gia thành viên [10]. Đối với *viện trợ quân sự*, Bộ Ngoại giao Mỹ đã thực hiện nhiều giao dịch quân sự nước ngoài thuộc Chương trình Bán khí tài quân sự nước ngoài (FMS) với một số quốc gia GMS, ví dụ: giao dịch trị giá 162 triệu USD với Việt Nam (giai đoạn 2015 - 2019), 237 triệu USD với Philippines (giai đoạn 2015 - 2024), 3 tỷ USD (giai đoạn 2003 - 2024) với Thái Lan [11]. Mỹ cũng hỗ trợ an ninh song phương cho các quốc gia này nhằm nâng cao năng lực quốc phòng và tăng cường năng lực phối hợp cho các hoạt động đổ bộ đường biển, an ninh hàng hải, phòng thủ bờ biển, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa. Cụ thể, giai đoạn 2017 - 2021, Mỹ tài trợ 60 triệu USD cho Việt Nam và 25 triệu USD cho Thái Lan (năm 2022) thông qua chương trình Tài trợ Quân sự Nước ngoài (FMF), 20 triệu USD cho Việt Nam và 14 triệu USD cho Thái Lan (năm 2021) qua Sáng kiến An ninh Hàng hải Đông Nam Á (SAMSI) - hỗ trợ nâng cao nhận thức và năng lực bảo đảm quyền tự do hàng hải [10], [12].

Đối với *các vấn đề an ninh phi truyền thống*, cụ thể là tội phạm xuyên quốc gia, buôn bán động vật hoang dã, năng lượng tái tạo và biến đổi khí hậu, Mỹ đã tích cực dẫn dắt khu vực GMS giải quyết và ứng phó thông qua hàng loạt sáng kiến và chương trình hợp tác. Ví dụ, năm 2017, Mỹ đã cung cấp gói viện trợ 534 triệu USD để cứu trợ thiên tai cho 05 nước GMS; năm 2022, thông qua MUSP, Mỹ đã hỗ trợ 31 triệu USD để xây dựng năng lực cho các nước GMS nhằm chống lại tội phạm xuyên quốc gia; Chương trình Đối tác Xuyên Biên giới đã hỗ trợ 35 triệu USD để giải quyết tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã và cây trồng [13]. Hai chương trình trong khuôn khổ LMI (Sáng kiến Dữ liệu Nước Mekong và Quan hệ Đối tác Cơ sở hạ tầng Bền vững) đã thúc đẩy vai trò của MRC trong việc chia sẻ dữ liệu nhằm cải thiện năng lực dự báo lũ lụt và hạn hán, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường và năng lượng sạch, sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước, góp phần vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiên tai [14]. Kết quả, giai đoạn 2009 - 2019, hai chương trình này đã hỗ trợ cung cấp nước sạch cho 340.000 người, cải thiện điều kiện vệ sinh cho 27.000 người; nâng cao năng lực ứng phó và phục hồi sau tình huống khẩn cấp thông qua các cuộc tập trận và trao đổi ứng phó thảm họa phục hồi Thái Bình Dương hàng năm do Quân đoàn Công binh Lục quân Mỹ tổ chức; hỗ trợ các nước GMS 14 triệu USD để chống tội phạm xuyên quốc gia, buôn bán ma túy, người và động vật hoang dã; hỗ trợ dự án năng lượng và cơ sở hạ tầng để phát triển các điểm nhập khẩu khí đốt tự nhiên hóa lỏng và dự án điện khí tại Việt Nam, cũng như sản xuất điện gió và điện mặt trời; v.v. [15]. Ngoài ra, Chương trình SERVIR - Mekong (hợp tác giữa USAID và NASA) đã hỗ trợ các nước GMS khai thác dữ liệu không gian địa lý công khai để ứng phó với thảm họa thiên tai, quản lý tài nguyên thiên nhiên và cải thiện an ninh lương thực, góp phần dẫn dắt khu vực giải quyết tốt hơn các thách thức từ biến đổi khí hậu [14].

Trên lĩnh vực *chính trị*, Mỹ tăng cường quan hệ song phương và đa phương với GMS. Điển hình là việc nâng cấp quan hệ Đối tác Chiến lược với Lào (năm 2016); Đối tác Chiến lược Toàn diện với ASEAN (năm 2022); Đối tác Chiến lược Toàn diện với Việt Nam (năm 2023), mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới. Ngoài ra, các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo Mỹ và các nước GMS cũng tăng lên đáng kể (chỉ trong một thập kỷ từ khi LMI ra đời, đã có 58 chuyến thăm cấp nguyên thủ quốc gia và cấp Bộ trưởng), thể hiện cam kết và sự hiện diện của Mỹ tại khu vực [14]. Hợp tác đa phương cũng được Mỹ thúc đẩy thông qua các diễn đàn khu vực như MUSP và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). MUSP được nâng cấp từ LMI, tạo ra khuôn khổ hợp tác với GMS trong các lĩnh vực an ninh, năng lượng, môi trường và bảo tồn di sản văn hóa. Giai đoạn 2009-2021, MUSP đã tài trợ 5 quốc gia GMS 709 triệu USD cho hoạt động đảm bảo hoà bình và an ninh khu vực [7]. Mặc dù vậy, sự tham gia của Mỹ trong Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) đã trải qua nhiều biến động đáng kể qua các đời tổng thống, phản ánh những thay đổi trong ưu tiên chiến lược đối ngoại đối với khu vực. Trong khi Tổng thống Bush thường cử đại diện cấp Bộ trưởng (ví dụ Ngoại trưởng) tham dự ARF - thể hiện mức độ ưu tiên tương đối thấp, thì Tổng thống Obama trực tiếp tham dự ARF và Đối thoại Shangri-La, đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng trong khuôn khổ chính sách *Tái cân bằng* [16]. Ngược lại, Tổng thống Trump đã giảm sự hiện diện tại các diễn đàn này và cử đại diện cấp thấp hơn tham dự, phản ánh ưu tiên "Nước Mỹ trên hết". Sự thay đổi này không chỉ ảnh hưởng đến vai trò của Mỹ trong các cơ chế đa phương ở khu vực ví dụ như ARF, mà còn tác động đến nhận thức của các nước ASEAN về cam kết lâu dài của Mỹ với khu vực [17].

### 3.2. Trên lĩnh vực kinh tế - thương mại

Là nền kinh tế lớn nhất thế giới, Mỹ đã khẳng định vị thế lãnh đạo và khả năng dẫn dắt hợp tác kinh tế tại GMS. Với tốc độ đô thị hoá nhanh chóng, sự tăng trưởng mạnh mẽ của các ngành công nghiệp nhẹ, 40% dân số dưới 25 tuổi, và mức lương lao động tương đối thấp (đặc biệt là Việt Nam và Campuchia), khu vực GMS đang tiến gần hơn đến vị trí trung tâm của chuỗi cung ứng sản xuất toàn cầu, là điểm đến đầu tư hấp dẫn của Mỹ [1]. Thông qua các nỗ lực như: ký kết *Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư* (TIFA) với từng quốc gia GMS (thành viên sau cùng là Myanmar, năm 2013); trở thành đối tác phát triển của *Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady Chao Phraya - Mekong* (ACMECS); công bố *USAID Mekong Safeguards/Economic Connectivity* (Bảo vệ Mekong/Kết nối kinh tế), góp phần hiện thực hóa tầm nhìn của 05 quốc gia GMS về phát triển cơ sở hạ tầng bền vững theo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; tham gia *Những người bạn của Mekong* (FOM), sáng kiến *Quan hệ Đối tác năng lượng Mỹ - Nhật - Mekong* (JUMPP); tài trợ 837 triệu USD cho 05 quốc gia GMS phát triển kinh tế giai đoạn 2009-2021 trong khuôn khổ MUSP, v.v. Mỹ đã thúc đẩy kết nối kinh tế Đông - Tây, đẩy mạnh sự tham gia của khu vực tư nhân và tăng cường quan hệ kinh tế với GMS [7].

Về *thương mại*, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất và cũng là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn thứ hai vào khu vực. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Mỹ

vào GMS đã tăng trưởng gấp đôi (tăng 117,8%), với mức 34,2 tỷ USD (năm 2020) so với mức 15,7 tỷ USD (năm 2011). Trong 20 năm đầu thế kỷ XXI, thương mại hàng năm của Mỹ với 05 quốc gia GMS đạt gần 117 tỷ USD; trong đó, Thái Lan và Việt Nam là hai trong số 20 đối tác thương mại hàng đầu của Mỹ [14]. Kim ngạch thương mại hai chiều với Thái Lan tăng từ 19,7 tỷ USD (năm 2001) lên 74,5 tỷ USD (năm 2022). Tổng vốn FDI của Mỹ tại Thái Lan năm 2022 là 15,8 tỷ USD, trong đó các ngành chính là sản xuất, bán lẻ và tài chính. Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ trong GMS. Kim ngạch thương mại hai chiều tăng từ 1,5 tỷ USD (năm 2001) lên 123,8 tỷ USD (năm 2022). Tổng vốn FDI của Mỹ vào Việt Nam năm 2022 là 11,4 tỷ USD, trong đó lĩnh vực đầu tư chính là sản xuất, năng lượng tái tạo và cơ sở hạ tầng. Kim ngạch thương mại Mỹ - Lào tăng từ 8,9 triệu USD (năm 2001) lên 314 triệu USD (năm 2022). Tổng viện trợ của Mỹ giai đoạn 2001-2022 khoảng 600 triệu USD, tập trung vào xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn. Quan hệ kinh tế Mỹ - Myanmar có nhiều thăng trầm do tình hình chính trị ở Myanmar diễn biến phức tạp. Giai đoạn 2001 - 2012, kim ngạch thương mại hai chiều bị hạn chế do cấm vận. Sau khi Mỹ nới lỏng một số biện pháp trừng phạt vào năm 2012, trong một thập kỷ tiếp theo, kim ngạch thương mại đã tăng từ 176 triệu USD lên 1,4 tỷ USD. Tuy nhiên, năm 2022, con số này giảm xuống còn 845 triệu USD do đảo chính quân sự tại Myanmar khiến Mỹ tái áp đặt một số hạn chế sau đảo chính vào năm 2021 [18]. Những chương trình, sáng kiến này thể hiện cam kết của Mỹ nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững, tăng cường kết nối và năng lực cạnh tranh kinh tế tại GMS.

### 3.3. Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội

Trong lĩnh vực *văn hóa - nghệ thuật*, Mỹ đã tổ chức nhiều chương trình trao đổi văn hóa và nghệ thuật với các nước GMS. Chương trình Sứ giả Nghệ thuật (AEP) đã gửi nghệ sĩ và chuyên gia văn hóa Mỹ ra nước ngoài (gồm cả các nước GMS) để tham gia trao đổi văn hóa. Ngoài ra, Chương trình Nghệ sĩ Mỹ Mới (AAAP) đã mời hơn 800 nghệ sĩ GMS đến Mỹ để tham gia dự án nghệ thuật cộng đồng giai đoạn 2008-2023 [19]. Mỹ cũng hỗ trợ hàng loạt dự án phục hồi và bảo tồn di tích lịch sử tại GMS. Giai đoạn 2003-2018, Quỹ Đại sứ về Bảo tồn Di sản Văn hóa (AFCP) đã tài trợ hơn 8 triệu USD cho 53 dự án bảo tồn di sản văn hóa tại các nước GMS. Ví dụ: dự án phục hồi Đền Angkor Wat ở Campuchia; bảo tồn di tích Thành cổ Luang Prabang ở Lào, v.v. AFCP cũng tài trợ 16 dự án bảo tồn (trị giá gần 1,3 triệu USD) tại Việt Nam, cho các di sản phi vật thể như Nhạc Then của dân tộc Tày đến các di sản hữu hình như Đền Bà Triệu (năm 2014); Thành nhà Hồ tại Thanh Hóa (năm 2018), các Mộc bản Triều Nguyễn thế kỷ XIX (năm 2020), v.v. [19].

Trong lĩnh vực *giáo dục*, hợp tác của Mỹ chú trọng phát triển môi trường giáo dục, nâng cấp hệ thống giáo dục, cải thiện cơ sở vật chất trường học, nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo giáo viên các nước GMS. Giai đoạn 2009 - 2021, MUSP đã tài trợ cho 05 quốc gia GMS 235 triệu USD để triển khai hoạt động giáo dục và đào tạo; 165 triệu USD hỗ trợ nhân đạo; và 636 triệu USD cho hoạt động thúc đẩy nhân quyền và quản trị tại khu vực [7]. Mỹ khuyến

khích trao đổi sinh viên, giáo viên và chương trình nghiên cứu giữa các trường đại học Mỹ và GMS. Chương trình học bổng Fulbright tạo cơ hội cho hơn 2.000 sinh viên và học giả GMS đến Mỹ để học tập và nghiên cứu trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI [20]. Các chương trình đào tạo thuộc khuôn khổ LMI đã tập huấn cho 1.000 giáo viên GMS về chương trình giảng dạy STEM; nâng cao tiêu chuẩn tiếng Anh kỹ thuật cho 3.800 quan chức, giáo viên và học sinh các nước GMS [15]. Giai đoạn 2014 - 2019, Mỹ công bố dự án Kết nối Mekong thông qua giáo dục và đào tạo (COMET), trị giá 12,3 triệu USD, với mục tiêu trang bị cho thanh thiếu niên GMS các kỹ năng theo định hướng của thị trường lao động, kết nối các bên liên quan trong giáo dục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lớp học. Kết quả, đến năm 2019, 80.000 thanh thiếu niên GMS đã tham gia nhiều chương trình tập huấn kỹ năng nghề nghiệp thông qua mô hình *MekongSkills2Work* của Trung tâm học tập Mekong do USAID tài trợ [21]. Tại Campuchia, giai đoạn 2018 - 2023, USAID đã hỗ trợ đào tạo hơn 10.000 giáo viên tại 3.500 trường tiểu học, qua đó tiếp cận hơn 400.000 học sinh. Ngoài ra, USAID còn tài trợ Bộ Giáo dục, Thanh niên và Thể thao Campuchia 11 triệu USD cho chương trình 5 năm (2017 - 2021) “Tất cả trẻ em biết đọc” (All Children Reading) nhằm cải thiện kỹ năng đọc của học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 3 [22].

Mỹ cũng đầu tư *phát triển nguồn nhân lực* thông qua chương trình giáo dục và đào tạo nghề, sáng kiến phát triển lực lượng lao động và giáo dục khởi nghiệp để trang bị kỹ năng và kiến thức cần thiết để thành công trong nền kinh tế toàn cầu. Trong khuôn khổ LMI, Mỹ đã hỗ trợ hàng trăm doanh nghiệp do nữ làm chủ thông qua ba trung tâm khởi nghiệp của khu vực [15]. Chương trình Sáng kiến Đổi mới sáng tạo Mekong (MII), khởi xướng năm 2022, có mục tiêu tìm kiếm giải pháp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực số, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững cho khu vực. MII đã đào tạo và phát triển kỹ năng cho hơn 71.000 thanh niên GMS trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo [23].

Trong hoạt động *phát triển cộng đồng*, thông qua USAID, Mỹ đã triển khai nhiều dự án phát triển cộng đồng quan trọng tại GMS. Tại Việt Nam, giai đoạn 2012 - 2017, Dự án Năng lực Cộng đồng (ACCP), với ngân sách 14,7 triệu USD, đã hỗ trợ 160 tổ chức xã hội nghề nghiệp, tác động đến 153,000 người; Dự án Hỗ trợ Người khuyết tật (PDSP) (2015 - 2020) đầu tư 11,5 triệu USD, cải thiện cuộc sống cho 15,000 người khuyết tật. Tại Campuchia, Dự án Nước sạch cho Tương lai (2017 - 2022), với ngân sách 18 triệu USD, đã cung cấp nước sạch cho 300,000 người. Tại Lào, Dự án Dinh dưỡng cộng đồng (2019 - 2024) đã đầu tư 31 triệu USD để cải thiện dinh dưỡng cho 100,000 phụ nữ và trẻ em; Dự án Quản lý Tài nguyên Cộng đồng (2016 - 2021) hỗ trợ 70 cộng đồng quản lý rừng bền vững với 6,5 triệu USD. Tại Thái Lan, chương trình Hợp tác Phát triển Thái Lan - Mỹ (2013 - 2023) đầu tư 13 triệu USD vào y tế, môi trường và giáo dục; Dự án Thích ứng với Biến đổi Khí hậu ở Đô thị (2018 - 2023) hỗ trợ 5 thành phố lớn có giá trị 5 triệu USD. Tại Myanmar, Dự án Tăng cường Năng lực Cộng đồng (2013 - 2018) hỗ trợ 11 triệu USD cho 100

tổ chức, tác động đến 1,5 triệu người; Dự án Sinh kế và An ninh Lương thực (2015 - 2020), có giá trị 27 triệu USD, cải thiện sinh kế cho 300,000 nông dân [2]. Mỹ cũng hợp tác với Singapore để hỗ trợ tập huấn, nâng cao năng lực cho 1.200 lãnh đạo GMS về các vấn đề pháp lý liên quan đến kết nối và phát triển bền vững, thông qua Chương trình đào tạo quốc gia thứ ba [15].

Trong lĩnh vực *y tế*, thông qua MUSP, Mỹ đã xây dựng chương trình y tế Pathfinder với mục tiêu hỗ trợ GMS xác định và ứng phó với bệnh truyền nhiễm mới nổi tại khu vực. Đây là sáng kiến bổ sung cho cam kết lâu dài của Mỹ đối với sức khỏe cộng đồng các nước GMS. Tại Việt Nam, Mỹ đã hỗ trợ 1,2 tỷ USD thông qua Kế hoạch Cứu trợ AIDS khẩn cấp của Tổng thống Hoa Kỳ (PEPFAR) giai đoạn 2004 - 2023 và Việt Nam đã thành công giảm 65% ca nhiễm mới HIV/AIDS [24]. Ngoài ra, giai đoạn dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, Mỹ là quốc gia tài trợ nhiều nhất (487 triệu liều vắc xin với tổng trị giá khoảng 2 tỷ USD) cho các nước GMS ứng phó với đại dịch [7].

#### 4. Tác động từ hợp tác của Mỹ với GMS đối với an ninh và phát triển khu vực

Mỹ đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác với GMS giai đoạn 2001 - 2024, mang lại tác động to lớn, cả tiêu cực và tích cực, đến các nước thành viên và khu vực GMS.

##### 4.1. Tác động tích cực

Quá trình hợp tác giữa Mỹ và các nước GMS trong hơn hai thập kỷ qua đã mang lại nhiều tác động tích cực trên các lĩnh vực then chốt. Trên lĩnh vực *an ninh - chính trị*, hợp tác quân sự của Mỹ chủ yếu được triển khai song phương như đào tạo, tập trận chung, viện trợ quân sự, góp phần nâng cao năng lực quốc phòng, đảm bảo an ninh khu vực. Bên cạnh đó, hợp tác về chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia và an ninh phi truyền thống góp phần bảo đảm ổn định khu vực. Với vị thế là thị trường xuất khẩu lớn và nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài quan trọng tại GMS, hoạt động *kinh tế - thương mại* của Mỹ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực. Sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của Mỹ trong các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, năng lượng, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, đào tạo nguồn nhân lực cũng góp phần phát triển bền vững cho khu vực. Các khuôn khổ hợp tác đa phương đã thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực, góp phần vào sự tăng trưởng ấn tượng của GDP bình quân đầu người các nước GMS từ 858 USD lên 1.668 USD giai đoạn 2000 - 2019 [3]. Trong lĩnh vực *văn hóa - xã hội*, Mỹ tập trung vào cả hợp tác song phương và đa phương nhằm phát triển giáo dục, bảo tồn di sản, trao đổi văn hóa, phát triển cộng đồng, nâng cao năng lực lãnh đạo cho thanh niên và trao quyền cho phụ nữ. Các chương trình trao đổi đa phương như Sáng kiến thủ lĩnh trẻ Đông Nam Á (YSEALI) và Fulbright góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa Mỹ và các nước GMS.

Tóm lại, việc Mỹ tăng cường hoạt động đa phương, kết hợp với duy trì quan hệ song phương ngày càng bền chặt, đã tạo ra nhiều tác động tích cực. Trước hết, Mỹ có thể mở rộng ảnh hưởng, củng cố vai trò lãnh đạo, khẳng định cam kết lâu dài với GMS thông qua các sáng kiến như LMI, MUSP và FOM. Cách tiếp cận đa phương đã tạo cơ chế

hiệu quả để Mỹ dẫn dắt GMS giải quyết các vấn đề xuyên quốc gia như chống khủng bố, tội phạm xuyên biên giới và biến đổi khí hậu, thông qua Sáng kiến Hợp tác Chống khủng bố và chương trình Đối tác Xuyên Biên giới. Việc nâng cấp quan hệ song phương (với Lào và Việt Nam) giúp tạo ra sự cân bằng trong chính sách đối ngoại, cho phép Mỹ điều chỉnh cách tiếp cận phù hợp với từng quốc gia. Quan trọng hơn, thông qua nhiều chương trình và sáng kiến hợp tác với khu vực, Mỹ có thể duy trì vị thế quan trọng trong cấu trúc an ninh và địa chính trị khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, hợp tác với Mỹ không chỉ mang lại lợi ích kinh tế và an ninh cho GMS mà còn giúp các nước thành viên có thêm nguồn lực để giải quyết các vấn đề kinh tế- xã hội quốc gia.

#### 4.2. Tác động tiêu cực

Mặc dù hợp tác của Mỹ với GMS mang lại nhiều tác động tích cực, song cũng có tác động tiêu cực, cụ thể:

Đầu tiên, việc Mỹ gia tăng hiện diện và viện trợ quân sự đã làm căng thẳng hơn cuộc cạnh tranh chiến lược của Trung Quốc tại khu vực. Trung Quốc, với chính sách “ngoại giao thủy lợi” đã xây dựng hàng loạt đập thủy điện trên sông Mekong với mục tiêu kiểm soát 05 nước GMS chặt chẽ hơn. Hiện nay, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất và là nguồn cung FDI lớn nhất của các nước GMS (trừ Việt Nam), vì vậy, cùng với chính sách *ngoại giao láng giềng* và vị trí địa lý “sát sườn” với 05 nước hạ nguồn sông Mekong thì khả năng ảnh hưởng về kinh tế tại khu vực đã nghiêng về phía Trung Quốc hơn là Mỹ [8]. Sáng kiến LMC, ra đời năm 2016, cho thấy mục tiêu của Trung Quốc trong nỗ lực định hình cơ chế hợp tác đa phương do Trung Quốc dẫn dắt nhằm thay thế sáng kiến trước đó của Mỹ (LMI) hoặc MRC. Đáp lại, Mỹ đã nâng cấp LMI thành MUSP (năm 2020) thể hiện sự tái cam kết đối với khu vực, đồng thời, kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc. Ngoài ra, sự phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ hoặc Trung Quốc sẽ làm tăng tính dễ bị tổn thương của các nền kinh tế đang phát triển GMS, gây bất ổn kinh tế, trong khi năng lực đàm phán của họ trong các thỏa thuận thương mại với Mỹ hoặc Trung Quốc đều bị hạn chế. Điều này có nguy cơ khiến các nước GMS phải giải quyết nhiều thách thức đối ngoại, hoặc trong tình huống xấu nhất, phải “chọn phe” trong quan hệ với các nước lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh và phát triển khu vực [10].

Bên cạnh đó, sự hiện diện chưa rõ ràng và thiếu nhất quán trong hợp tác với GMS qua các đời tổng thống Mỹ đã tạo ra sự e ngại của các nước GMS với cam kết của Mỹ. Quan trọng hơn, sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế và năng lực giải quyết thách thức an ninh, truyền thống và phi truyền thống, cùng sự khác biệt trong ưu tiên lợi ích quốc gia đã khiến các nước GMS có phản ứng khác biệt với những sáng kiến hợp tác của Mỹ cũng như cạnh tranh ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc, tạo ra sự chia rẽ trong nội bộ khối [8], [9].

#### 5. Hàm ý chính sách dành cho Việt Nam

Triển vọng hợp tác của Mỹ với GMS đến hết năm 2028 phụ thuộc nhiều vào sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của chính quyền Trump 2.0 với xu hướng ưu tiên lợi ích quốc

gia của Mỹ. Thực tế, trong 100 ngày đầu tiên nhậm chức, Tổng thống Trump đã đề xuất cắt giảm 92% hợp đồng cho các chương trình phát triển thuộc Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ (USAID) trong nỗ lực tái cấu trúc cơ quan này, dẫn đến nguy cơ cắt giảm hàng loạt chương trình hỗ trợ phát triển quốc tế tại GMS nếu chúng không mang lại lợi ích trực tiếp cho Mỹ. Tuy nhiên, nước Mỹ thời Trump 2.0 có thể tăng cường hợp tác an ninh và kinh tế nhằm đối trọng ảnh hưởng của Trung Quốc thông qua các biện pháp mạnh mẽ hơn, gồm cả kinh tế và quân sự. Vì vậy, có thể khẳng định Mỹ vẫn sẽ tiếp tục hiện diện tại GMS để bảo đảm lợi ích quốc gia và kiềm chế Trung Quốc.

Việt Nam là một trong những quốc gia GMS nhận được nhiều lợi ích từ hợp tác của Mỹ với khu vực giai đoạn 2001 - 2024. Năm 2023, Việt Nam và Mỹ đã nâng cấp lên quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện, thể hiện tầm quan trọng ngày càng tăng của Việt Nam tại GMS và trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Vì vậy, để có thể cân bằng quan hệ với các nước lớn và tranh thủ được nguồn lực từ Mỹ để phát triển, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước, Việt Nam cần: (1) trong lĩnh vực *an ninh - chính trị*: thúc đẩy cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các lực lượng an ninh GMS để giải quyết các thách thức an ninh chung, cụ thể là an ninh hàng hải, an ninh nguồn nước và an ninh mạng. Trước thách thức biến đổi khí hậu, Việt Nam cần đề xuất cơ chế đối thoại chính sách ứng phó, quản lý rủi ro thiên tai và phát triển năng lượng tái tạo bền vững trong khuôn khổ MUSP và JUMPP. Việt Nam cũng cần nâng cao năng lực của lực lượng an ninh để ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đồng thời huy động nguồn lực để nâng cao khả năng giám sát và kiểm soát biên giới; (2) trong lĩnh vực *kinh tế - thương mại*: đề xuất cơ chế tăng cường thu hút nguồn lực để xây dựng và mở rộng hạ tầng kỹ thuật số nhằm tăng cường kết nối khu vực với các chính phủ điện tử; (3) trong lĩnh vực *văn hóa - xã hội*: thiết kế Chiến lược du lịch bền vững cho khu vực GMS với các tiêu chuẩn chung về bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa và phát triển cộng đồng, khởi xướng chương trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực. Việt Nam cũng cần tiên phong hợp tác với các đối tác mới trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, bảo tồn đa dạng sinh học. Bằng cách thực hiện đồng bộ các giải pháp, Việt Nam có thể chủ động, linh hoạt trong hợp tác quốc tế, đa dạng hóa đối tác và củng cố nội lực để nâng cao vị thế quốc tế.

#### 6. Kết luận

Khu vực GMS có vị trí địa chiến lược quan trọng, là cửa ngõ kết nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, thu hút sự hiện diện và cạnh tranh chiến lược của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc. Điều này, một mặt, thúc đẩy hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng tại khu vực, mặt khác, đặt ra nhiều thách thức đối với an ninh và phát triển khu vực. Hợp tác của Mỹ với các nước GMS giai đoạn 2001 - 2024 chịu tác động bởi nhiều nhân tố như địa chiến lược, kinh tế, an ninh và cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc. Mỹ đã và đang triển khai nhiều sáng kiến hợp tác trên các lĩnh vực an ninh, thương mại, cơ sở hạ tầng, công nghệ, y tế, giáo dục, môi trường. Với vai trò là thành viên tích cực của GMS, Việt Nam cần thực hiện đường lối đối

ngoại độc lập, tự chủ, tăng cường song phương, nâng tầm đa phương để có thể cân bằng quan hệ với các cường quốc, đồng thời tranh thủ nguồn lực từ các quốc gia này để phát triển kinh tế và khẳng định vị thế quốc tế của Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] GMS, “GMS Statistics”. [greatermekong.org](http://greatermekong.org), [Online]. Available: <https://www.greatermekong.org/data-and-information> [Accessed April 20, 2025].
- [2] USAID Office of Inspector General, “OIG Oversight: Asia”. [oig.usaid.gov](http://oig.usaid.gov), [Online]. Available: <https://oig.usaid.gov/asia?page=3> [Accessed May 30, 2025].
- [3] World Bank, “Prosperity Data 360 - GDP Growth (annual %)””. [prosperitydata360.worldbank.org](http://prosperitydata360.worldbank.org), [Online]. Available: <https://prosperitydata360.worldbank.org/en/indicator/WB+WDI+N+Y+GDP+MKTP+KD+ZG> [Accessed May 30, 2025].
- [4] B. T. M. Tam, SEZ Development in Cambodia, Thailand and Vietnam and the Regional Value Chains. In *EEC Development and Transport Facilitation Measures in Thailand, and the Development Strategies by the Neighboring Countries*; Edited by Daisuke Hiratsuka. BRC Research Report, Bangkok: Bangkok Research Center, JETRO Bangkok/IDE-JETRO, 2019, Chapter 5. pp. 82-117.
- [5] UNODC (United Nations Office on Drugs and Crime), “Mekong officials and UNODC discuss the intensifying regional drug situation and the need for new and balanced strategies”, [www.unodc.org](http://www.unodc.org), September 10, 2021. [Online]. Available: <https://www.unodc.org/roseap/en/2021/09/mekong-mou-senior-officials/story.html> [Accessed May 20, 2025].
- [6] MRC, “Mekong River Commission Climate Change and Adaptation Initiative: Summary of the basin-wide assessments of climate change impacts on water and water-related resources in the Lower Mekong Basin”, [mrcmekong.org](http://mrcmekong.org), June 8, 2017. [Online]. Available: <https://www.mrcmekong.org/wp-content/uploads/2024/08/Basin-wide-assessment-of-climate-change-impacts-on-water-resources-and-related-resources-in-the-LMB.pdf> [Accessed June 10, 2025].
- [7] U.S. Department of State, “The Mekong-U.S. Partnership and the Friends of the Mekong: Proven Partners for the Mekong Region”, [state.gov](http://state.gov), August 3, 2021. [Online]. Available: <https://2021-2025.state.gov/the-mekong-u-s-partnership-and-the-friends-of-the-mekong-proven-partners-for-the-mekong-region/> [Accessed May 30, 2025].
- [8] H. T. Ha, “Is the U.S. a Serious Competitor to China in the Lower Mekong?” *ISEAS Perspective*. Yusof Ishak Institute, vol. 37, 2023.
- [9] T. N. Dung, “Competition for influence between China and the U.S. in the Greater Mekong Subregion in the first two decades of the 21<sup>st</sup> century”, *Journal of East Asia*, vol. 4 no. 254, pp. 3-12, 2022.
- [10] U.S. Embassy and Consulate in Vietnam, “U.S. Security cooperation with Viet Nam”, [vn.usembassy.gov](http://vn.usembassy.gov), June 2, 2021. [Online]. Available: <https://vn.usembassy.gov/u-s-security-cooperation-with-vietnam/> [Accessed May 30, 2025].
- [11] Defense Security Cooperation Agency, “Foreign Military Sales”, [dscamilitary.com](http://dscamilitary.com), May 11, 2025. [Online]. Available: <https://www.dscamilitary.com/Programs/Defense-Trade-and-Arms-Transfers/Foreign-Military-Sales> [Accessed May 30, 2025].
- [12] U.S. Department of State, “U.S. Security Cooperation with Thailand”, [state.gov](http://state.gov), January 20, 2025. [Online]. Available: <https://www.state.gov/u-s-security-cooperation-with-thailand> [Accessed May 20, 2025].
- [13] Mekong - U.S. Partnership, “The Mekong U.S.-Partnership Semi-annual Report: February 2023”, [mekonguspartnership.org](http://mekonguspartnership.org), April 03, 2023. [Online]. Available: <https://mekonguspartnership.org/wp-content/uploads/2023/09/Winter-2023-MUSP-Newsletter-Final.pdf> [Accessed May 30, 2025].
- [14] East - West Center, “The Mekong Matters for America/ America Matters for the Mekong”, [asiamattersforamerica.org](http://asiamattersforamerica.org), April 28, 2020. [Online]. Available: <https://asiamattersforamerica.org/uploads/publications/2020-Mekong-Matters-for-America.pdf> [Accessed May 30, 2025].
- [15] U.S. Embassy and Consulate in Thailand, “Strengthening the U.S.-Mekong Partnership”, [th.usembassy.gov](http://th.usembassy.gov), August 2, 2019. [Online]. Available: <https://th.usembassy.gov/strengthening-the-u-s-mekong-partnership/> [Accessed 2025, May 30].
- [16] H. Clinton, “America’s Pacific Century”, [foreignpolicy.com](http://foreignpolicy.com), Oct. 11, 2011. [Online]. Available: <https://foreignpolicy.com/2011/10/11/americas-pacific-century/> [Accessed May 20, 2025].
- [17] I. Storey, M. Cook, “The Trump Administration and Southeast Asia: Limited Engagement Thus Far”, *ISEAS Perspective*, vol.27, 2017.
- [18] Office of USTR (the United States Trade Representative), “U.S.-Southeast Asia and Pacific Trade Facts”, [ustr.gov](http://ustr.gov), June 15, 2023. [Online]. Available: <https://ustr.gov/countries-regions/southeast-asia-pacific> [Accessed May 25, 2025].
- [19] Bureau of Educational and Cultural Affairs, “Ambassadors Fund for Cultural Preservation”, [eca.state.gov](http://eca.state.gov), April 25, 2025.. [Online]. Available: <https://eca.state.gov/program/ambassadors-fund-cultural-preservation?page=1> [Accessed April 25, 2025].
- [20] Bureau of Educational and Cultural Affairs, “Fulbright Program”, [eca.state.gov](http://eca.state.gov), April 25, 2025 [Online]. Available: <https://eca.state.gov/fulbright/fulbright-programs/program-details-country> [Accessed April 25, 2025].
- [21] Mekong - U.S. Partnership, “Connecting the Mekong through education and training (2014-2019)”, [mekonguspartnership.org](http://mekonguspartnership.org), October 11, 2019. [Online]. Available: <https://mekonguspartnership.org/projects/connecting-the-mekong-through-education-and-training-comet/> [Accessed May 30, 2025].
- [22] U.S. Embassy and Consulate in Cambodia, “U.S. Government Assistance to education”, [kh.usembassy.gov](http://kh.usembassy.gov), May 20, 2025. [Online]. Available: <https://kh.usembassy.gov/u-s-government-assistance-to-education/#:~:text=The%20%2Dyear%2C%20%2411%20million,b%20taken%20to%20national%20scale>, [Accessed May 30, 2025].
- [23] MII, “Mekong Innovation Initiative”, [mii.nic.gov.vn](http://mii.nic.gov.vn), April 25, 2025 [Online]. Available: <https://mii.nic.gov.vn/#mii> [Accessed May 30, 2025].
- [24] U.S. Embassy and Consulate in Vietnam. “PEFPAR Việt Nam”, [vn.usembassy.gov](http://vn.usembassy.gov), June 17, 2025. [Online]. Available: <https://vn.usembassy.gov/vi/pepfar/> [Accessed May 30, 2025].